| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 78/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Bà Nguyễn Thị Sương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Bích Trăm– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long:*** bà Trần Thúy Liễu- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 56/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị **Nguyễn Thị Mỹ X**, sinh năm 2000 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: anh **Sỳ Cắm P**, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ F, ấp G, xã T, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: Địa chỉ: 2-19-1-608 K, Edogawa-ku, T, Nhật Bản.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X trình bày:*

Về hôn nhân: qua quen biết chị X và anh P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2022, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Đ tại Nhật Bản vào ngày 22/02/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống tương

đối hạnh phúc nhưng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào khoảng tháng 3/2023 và chính thức ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cả hai đã cố gắng hàn gắng nhưng không thể dung hòa và không thể tiếp tục sống chung. Do đó, khoảng tháng 3/2025 chị X quyết định từ Nhật Bản về Việt Nam sinh sống ở nhà mẹ ruột tại ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long cho đến nay. Hiện nay chị X xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh P không còn nữa nên chị X yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: chị X, anh P có một con chung tên Sỳ Hùng C, sinh ngày 18/9/2023. Hiện nay cháu C đang sống với chị X. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại bản tự khai ngày 05/02/2026 anh Sỳ C1 P trình bày:*

Về hôn nhân: Anh P và chị X có đăng ký kết hôn tại Đ tại Nhật Bản, giấy chứng nhận kết hôn số 488/Q10 cấp ngày 22/02/2022.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi có con thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai cố gắng duy trì hôn nhân và tìm cách cải thiện nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung. Hiện nay anh P cũng không còn tình cảm với chị X nên anh P đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ X.

Về con chung: anh P và chị X có một con chung tên Sỳ Hùng C, sinh ngày 18/9/2023 hiện đang do chị X chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh P đồng ý giao cháu Sỳ Hùng C cho chị X nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị X và anh P vắng mặt.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 26/02/2026 chị Nguyễn Thị Mỹ X xin vắng mặt, chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 05/02/2026 anh S Cắm P xin vắng mặt, anh P giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án, Điều 28, Điều 40, Điều

469 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ theo quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng căn cứ khoản 25 Điều 3, Điều 126, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 40, 147, 227, 228, 238, 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X.

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Mỹ X được ly hôn với anh Sỳ Cắm P.

- Về con chung: giao con chung tên Sỳ Hùng C, sinh ngày 18/9/2023 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Sỳ C1 P không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Xét tài sản chung, nợ chung: chị X và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ X nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận quan hệ tranh chấp về "ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đăng ký kết hôn tại Đ tại Nhật Bản, hiện tại bị đơn đang cư trú tại Nhật Bản, nguyên đơn cư trú tại xã N, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 126 của Luật Hôn nhân và Gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình của Đ thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân Việt Nam đang cư trú tại nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự,

Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long và được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X và bị đơn anh S Cắm P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

- Về hôn nhân: căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 488/Q10, ngày 22/02/2022 của Đ tại Nhật Bản, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Sỳ C1 P là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị X thì sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khi mâu thuẫn thì không hàn gắn được. Chị X cho rằng vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dù cả hai đã cố gắng nhưng không thể dung hòa và tiếp tục chung sống, từ tháng 3/2025 chị X về Việt Nam sinh sống tại nhà mẹ ruột đến nay. Tại đơn xin ly hôn, chị X cho rằng hiện chị X không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Về phía anh P cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng làm tình cảm vợ chồng phai nhạt, dù cố gắng duy trì hôn nhân và tìm cách cải thiện nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung nên anh P cũng đồng ý ly hôn với chị X.

Xét thấy, chị X và anh P đều trình bày thống nhất là mối quan hệ hôn nhân của anh chị đã không thể hàn gắn, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, anh chị đã ly thân từ tháng 12/2024 đến nay không đoàn tụ được, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ, phù hợp Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: chị X trình bày vợ chồng có 01 (một) con chung tên Sỳ Hùng C, sinh ngày 18/9/2023. Hiện cháu C đang sống chung với chị X. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Sỳ Hùng C và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía Anh P cũng đồng ý giao cháu Sỳ Hùng C cho chị X nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị X và anh P đều thống nhất giao con chung là cháu Sỳ Hùng C cho chị X nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu Sỳ Hùng C sinh ngày 18/9/2023 nên còn rất nhỏ và cần thiết để chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu C hiện tại cũng đang ở chung với chị X đã ổn định về cuộc sống và đang trong quá trình phát triển tâm sinh lý. Để đảm bảo ổn định cho sự phát triển về thể chất, tinh thần

cũng như tâm sinh lý cho cháu C trong thời gian tới, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị X. Giao cháu Sỳ Hùng C, sinh ngày 18/9/2023 cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị X không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị X và anh P đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012967 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị X đã nộp đủ.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 25 Điều 3; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 126; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ X

**1.** Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ X được ly hôn với anh Sỳ Cắm P.

**2.** Về con chung:

Giao con chung tên Sỳ Hùng C, sinh ngày 18/9/2023 cho chị Nguyễn Thị Mỹ X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị Mỹ X không yêu cầu anh S Cắm P cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Mỹ X và anh Sỳ C1 P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị Nguyễn Thị Mỹ X phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012967 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Mỹ X đã nộp đủ.

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

**6.** Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**Ngô Thị Ngọc Trinh**